

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HS-ST

Ngày: 13 - 4 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Diên.

Ông Danh Thi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:

Ông Cao Thế Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2018/HSST ngày 23 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST-HS ngày 02/4/2018 đối với bị cáo:

Lê Minh C, sinh năm 1989; tại T, Kiên Giang; HKTT và cư trú: ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Đ; vợ là Lê Thị Anh T; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2012. Tiền án: 03 tiền án: Ngày 25/9/2012 bị Tòa án nhân dân huyện T tuyên phạt 03 năm cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 22/11/2013 bị Tòa án nhân dân huyện T tuyên phạt 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Do bản án số 40/2012/HSST, ngày 25/9/2012 bị cáo chưa chấp hành xong nên chuyển hình phạt cải tạo không giam giữ thành hình phạt tù (03 ngày cải tạo không giam giữ bằng 01 ngày tù). Tổng hợp hình phạt của 02 bản án bị cáo phải chấp hành là 01 năm 05 tháng 08 ngày tù, bị cáo đã chấp hành xong; Ngày 04/4/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm

cấp tài sản”. Tiền sự: chưa; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Vĩnh Thuận từ ngày 23/9/2017 cho đến nay (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phan Thanh T - Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

Người bị hại: Bùi Thị P, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp A, xã T, thành phố T, tỉnh Hậu Giang (Có đơn xin vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Huỳnh Văn B, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp A, xã T, thành phố T, tỉnh Hậu Giang (Có đơn xin vắng mặt).

2. Nguyễn Thị Á, sinh năm 1953; địa chỉ: ấp Đ, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

3. Trương Thành L, sinh năm 1951; địa chỉ: ấp Đ, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 17 giờ ngày 22/9/2017, sau khi nhậu tại quán của Nguyễn Văn D ở ấp Đ, xã B, Lê Minh C nhìn thấy Huỳnh Văn B (ở ấp A, xã T, thành phố T, tỉnh Hậu Giang) đến quán ông D mua nhang diệt muỗi, khi B ra về thì C đi theo B hỏi xin 50.000đ nhưng B chỉ cho 20.000đ, C không lấy mà tiếp tục đi theo B đến nơi đậu ghe (ghé của B đậu cách quán ông D khoảng 700m, thuộc ấp Đ, xã B). Khi đến nơi, C xuống ghe của B thì thấy Bùi Thị P (vợ của B) đang nằm võng phía sau mũi ghe nên C hỏi chị P “Có tiền không?”, chị P trả lời “Không có tiền”, C dùng tay chụp cái ghế gần đó đe dọa và nói với P “Mày không có tiền, tao đánh chết mẹ mày”; khi bị C đe dọa và sợ bị đánh nên P lấy trong túi ra số tiền 360.000đ đưa cho C, C lấy 260.000đ, đưa lại cho P 100.000đ rồi C bỏ đi. Sau khi tiêu xài hết số tiền trên, khoảng 01 giờ sau C tiếp tục quay lại ghé và kêu P đưa cho C số tiền 100.000đ, P sợ do bị C đe dọa trước đó nên tiếp tục đưa cho C 100.000đ, C lấy tiền rồi bỏ đi. Sự việc sau đó được trình báo Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Vĩnh Thuận tiến hành điều tra, xác minh. Trong quá trình điều tra Lê Minh C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Về vật chứng:

- 01 (một) cái ghế gỗ dài 28cm, ngang 17cm, cao 11cm.

Tại bản Cáo trạng số 06/KSĐT-KT ngày 23/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận đã truy tố bị cáo Lê Minh C về tội “*Cướp tài sản*”

theo quy định tại khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Minh C phạm tội “*Cướp tài sản*”.

Áp dụng khoản 2 Điều 168; điểm q, s, x khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 3 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Minh C từ 04 đến 05 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu nên Viện kiểm sát không đề nghị.

Về vật chứng: 01 (một) cái ghế gỗ dài 28cm, ngang 17cm, cao 11cm của bị hại Bùi Thị P, nhưng người bị hại không yêu cầu nhận lại nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất tội danh và các tình tiết của đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Việc xử lý là hoàn toàn đúng theo quy định pháp luật. Bị cáo phạm tội đã thành khẩn khai báo; cha bị cáo là ông Lê Văn H là người có công với cách mạng (thương binh loại A, thương tật 21%); bị cáo là người bị hạn chế khả năng nhận thức. Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm về đoàn tụ với gia đình.

Người bị hại Bùi Thị P có đơn xin vắng mặt; trong đơn có ghi không yêu cầu bị cáo trả số tiền chiếm đoạt; không yêu cầu nhận lại vật chứng bị thu giữ; Về trách nhiệm hình sự: yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

Bị cáo Lê Minh C thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, không tranh luận gì thêm, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và kết quả thẩm vấn tại phiên tòa cùng các chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 22/9/2017, khoảng 17 giờ, sau khi nhập tại quán của Nguyễn Văn D ở ấp Đ, xã B, Lê Minh C đi đến ghe của Huỳnh Văn B neo đậu ở ấp Đ, xã B đe dọa dùng vũ lực bằng cách lấy ghế gỗ đòi đánh Bùi Thị P (vợ anh B) cho chị P không chống cự được để chiếm đoạt số tiền 260.000đ. Sau khi tiêu xài hết số tiền chiếm đoạt được, C tiếp tục quay lại ghe và yêu cầu chị P đưa cho C 100.000đ, chị P sợ nên tiếp tục đưa cho C 100.000đ. Sự việc đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Thuận tiến hành điều tra, xác minh. Trong quá trình điều tra Lê Minh C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

[3] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Lê Minh C là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã dùng vũ lực và ghế gỗ đe dọa tấn công làm cho người bị hại không thể chống cự được để chiếm đoạt của bị hại số tiền tổng cộng là 360.000đ, hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận truy tố hành vi của bị cáo về tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ.

So sánh giữa khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 với khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thấy rằng khung hình phạt không thay đổi. Tuy nhiên Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đã có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 có các tình tiết giảm nhẹ áp dụng được cho bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử lý theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội.

Khoản 1 và khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

"1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Có tổ chức;*
- b) Có tính chất chuyên nghiệp;*
- c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30%;*

- d) Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác;*
- đ) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;*
- e) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ;*
- g) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;*
- h) Tái phạm nguy hiểm.”***

...

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, uy hiếp tinh thần và đe dọa người bị hại, làm cho người bị hại hoang mang, lo sợ. Trước đó, bị cáo đã tái phạm chưa được xóa án tích nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội do cố ý là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng, mức độ nguy hiểm cao, ảnh hưởng rất lớn đến tình hình trật tự địa phương; hơn nữa bị cáo thực hiện cùng lúc 02 lần hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên có mức án nghiêm, tương xứng đối với hành vi bị cáo nhằm giáo dục bị cáo, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân bị cáo thấy rằng: Bị cáo có nhân thân không tốt, từ năm 2012 cho đến nay bị cáo đã 03 lần bị Tòa án xét xử và có thời gian cải tạo dài, nhưng khi chấp hành xong bị cáo lại tiếp tục phạm tội ở mức độ cao hơn, nguy hiểm hơn cho thấy bị cáo không biết ăn năn hối cải, không muốn sửa chữa lỗi lầm để làm lại cuộc đời.

[5] Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; cha của bị cáo là thương binh loại A, thuộc diện người có công với cách mạng; Theo kết luận giám định pháp y về tâm thần số 157/2017/KLGĐTC ngày 01/12/2017 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ kết luận:

- Về y học: Trước, trong, sau khi phạm tội và hiện tại: Đương sự có bệnh lý tâm thần: Rối loạn nhân cách thực tổn và động kinh.
- Về năng lực: Tại thời điểm phạm tội và hiện tại đương sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần.
- Về trách nhiệm hình sự: Tại thời điểm phạm tội và hiện tại đương sự có năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Từ kết luận giám định pháp y trên cho thấy bị cáo là người bị hạn chế khả năng nhận thức.

Từ đó, HĐXX xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm q, s, x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do bị cáo có đủ các điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 3 Điều 54 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố, nhưng cần phải xử bằng hình thức tù có thời hạn để nhà nước giáo dục bị cáo, đồng thời để bị cáo có thời gian suy nghĩ về những việc làm sai trái của mình trong thời gian qua để sửa chữa lỗi lầm.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: Áp dụng Điều 160 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy 01 (một) cái ghế gỗ dài 28cm, ngang 17cm, cao 11cm.

[8] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 6; Điều 23; Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Minh c phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên bố: Bị cáo Lê Minh C phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng khoản 2 Điều 168; điểm q, s, x khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 3 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Minh C 04 (bốn) năm tù, tính kể từ ngày bắt bị cáo là ngày 23/9/2017.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy 01 (một) cái ghế gỗ dài 28cm, ngang 17cm, cao 11cm.

(Vật chứng trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/01/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Thuận với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 6; Điều 23; Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Minh C chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án (13/4/2018); người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người bị hại;
- Người bào chữa;
- CA huyện Vĩnh Thuận;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã B;
- Tòa án tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Phòng hồ sơ (PV27) CAKG;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Minh Vũ